

TIN TIÊU ĐIỂM:

Thuế
Không huỷ hoá đơn lập sai tên, địa chỉ người mua

Ngày 27/02/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng (GTGT) và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Theo đó, từ năm 2015, hóa đơn lập sai tên, địa chỉ người mua nhưng đúng mã số thuế sẽ không bị hủy, các bên chỉ cần lập biên bản điều chỉnh

Một nội dung đáng chú ý khác là quy định bổ sung về tính thuế GTGT khi góp vốn vào doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất. Cụ thể, từ ngày 01/01/2015, giá đất được trừ để tính thuế GTGT khi góp vốn vào doanh nghiệp bằng quyền sử dụng đất là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ theo giá chuyển nhượng.

Đối với cơ sở kinh doanh bất động sản ký hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để hoán đổi đất nông nghiệp thành đất ở, việc hoán đổi này phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai thì khi giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng trừ giá đất được trừ theo quy định. Trong đó, giá chuyển nhượng là giá đền bù tương ứng với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi theo phương án do cơ quan chức năng phê duyệt.

Cũng theo Thông tư này, tổ chức, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, siêu thị và một số hàng hóa, dịch vụ khác có sử dụng hệ thống máy tính tiền, hệ thống cài đặt phần mềm bán hàng để thanh toán phải thực hiện kết nối để gửi thông tin cho cơ quan thuế theo lộ trình triển khai theo quy định. Đặc biệt, người bán hàng không phải lập hóa đơn GTGT đối với hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

Chứng khoán **Điều kiện đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán**

Theo Quyết định số 355/QĐ-BTC ngày 26/02/2015 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trong lĩnh vực chứng khoán thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính, ngân hàng thương mại muốn đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán phải có nợ quá hạn không quá 5% tổng dư nợ và có lãi trong năm gần nhất. Ngoài điều kiện về nợ nêu trên, ngân hàng còn phải có Giấy phép thành lập, hoạt động tại Việt Nam và có địa điểm, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động đăng ký, lưu ký, thanh toán trong các giao dịch chứng khoán

Đối với công ty chứng khoán, chỉ cần có địa điểm, trang bị, thiết bị phục vụ hoạt động đăng ký, lưu ký, thanh toán các giao dịch chứng khoán; có Giấy phép thành lập và hoạt động thực hiện nghiệp vụ môi giới hoặc tự doanh chứng khoán.

Bên cạnh đó, Quyết định cũng có quy định chi tiết về điều kiện đăng ký làm ngân hàng thanh toán. Cụ thể, để được làm ngân hàng thanh toán, ngân hàng đăng ký phải là ngân hàng thương mại Việt Nam; có vốn điều lệ thực góp trên 10.000 tỷ đồng; có kết quả hoạt động kinh doanh có lãi trong vòng 02 năm gần nhất; đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của pháp luật về ngân hàng; có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo thực hiện thanh toán giao dịch và kết nối được với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; có cam kết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cho vay thanh toán giao dịch chứng khoán trong trường hợp thành viên lưu ký mất khả năng thanh toán; hệ thống có khả năng giữ số liệu thông tin thanh toán giao dịch trong vòng ít nhất 05 năm và có thể cung cấp ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam trong 48 giờ khi có yêu cầu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2015.

Thương mại Hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao dịch thương mại điện tử giữa các doanh nghiệp

Ngày 02/03/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 07/2015/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia, quyết định hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách để xây dựng hệ thống thanh toán thương mại điện tử quốc gia; xây dựng giải pháp thẻ thanh toán thương mại điện tử tích hợp; xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến hoạt động vận chuyển cho thương mại điện tử và hạ tầng giao dịch thương mại điện tử doanh nghiệp - doanh nghiệp

Mức hỗ trợ đối với từng dự án cụ thể được xác định căn cứ vào mục tiêu, đặc điểm, phạm vi của dự án và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển giai đoạn trung hạn 05 năm và hàng năm.

Đối với các nội dung sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như: Giải pháp bán hàng trực tuyến hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, phân theo mô hình hoạt động hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp; sàn giao dịch thương mại điện tử, trên đó có ít nhất 300 doanh nghiệp tham gia; các giải pháp ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng thiết bị di động, mỗi giải pháp đáp ứng yêu cầu tại cùng thời điểm có ít nhất 500 người sử dụng; các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ cho cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp, mỗi ứng dụng có ít nhất 100 đơn vị sử dụng; hệ thống đảm bảo lòng tin cho hoạt động mua sắm trực tuyến và cơ chế giải quyết tranh chấp trực tuyến..., mức hỗ trợ tối đa là 70%.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/04/2015.

NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:

Quản trị Công ty tốt có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phát triển lành mạnh. Quản trị Công ty liên quan đến môi quan hệ giữa nhiều bên, không chỉ trong nội bộ doanh nghiệp như các cổ đông, thành viên công ty, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, mà còn những bên có lợi ích liên quan bên ngoài doanh nghiệp: cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác kinh doanh... Mỗi quan hệ này được xác định một phần bởi luật pháp, lịch sử, văn hóa của quốc gia nơi công ty đặt trụ sở. Trong số này, NHQuang&Associates xin gửi tới Quý vị một số phân tích của Luật sư Trần Thanh Huyền liên quan đến các Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Tổ chức hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development – OECD) đặt trong sự so sánh với các quy định pháp luật Việt Nam về quản trị doanh nghiệp.

Được Hội đồng Bộ Trưởng OECD phê chuẩn vào năm 1999, Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD đã trở thành chuẩn mực quốc tế cho các nhà hoạch định chính sách, các nhà đầu tư, Công ty và các bên có quyền lợi liên quan đến quá trình thành lập, hoạt động và chấm dứt của doanh nghiệp. Mặc dù những nguyên tắc này không có tính ràng buộc mà chỉ cung cấp các định hướng và tinh thần cho việc xây dựng một hệ thống Quản trị Công ty tốt nhưng hầu hết các quốc gia khi xây dựng hệ thống pháp luật, chính sách liên quan đến doanh nghiệp, đầu tư đều lấy Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD làm nền tảng.

Theo OECD, quản trị Công ty là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Quản trị Công ty tốt sẽ giảm thiểu khả năng tổn thương của doanh nghiệp trước các khủng hoảng tài chính, củng cố quyền sở hữu của các nhà đầu tư, giảm chi phí giao dịch, chi phí vốn từ đó góp phần phát triển thị trường vốn, thị trường đầu tư và phát triển một nền

kinh tế bền vững. Một khuôn khổ Quản trị Công ty yếu kém sẽ làm giảm mức độ tin cậy của các nhà đầu tư và không khuyến khích đầu tư từ bên ngoài. Đây là lí do mà bộ nguyên tắc quản trị Công ty của OECD luôn được các Quốc gia, các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư quan tâm.

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD gồm 6 nguyên tắc cơ bản:

1. *Đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả.*
2. *Đảm bảo Quyền của cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản.*
3. *Đôi xử bình đẳng đối với cổ đông*
4. *Vai trò của Bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty.*
5. *Công bố thông tin và tính minh bạch.*
6. *Trách nhiệm của Hội đồng quản trị.*

Nguyên tắc thứ nhất có nội dung tập trung vào vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách, pháp luật; thi hành và kiểm soát hệ thống chính sách, pháp luật, hệ thống quản lý nhằm đảm bảo cơ sở cho một khuôn khổ quản trị Công ty hiệu quả. Nội dung của nguyên tắc yêu cầu: (1) Xây dựng một khuôn khổ quản trị Công ty dựa trên tác động với hiệu quả hoạt động kinh tế nói chung, tính toàn vẹn

của thị trường và các cơ chế khuyến khích các bên tham gia thị trường, thúc đẩy thị trường hoạt động minh bạch, hiệu quả; (2) Các quy định pháp lý và quản lý tác động tới thông lệ quản trị Công ty cần phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo minh bạch và có khả năng cưỡng chế thi hành; (3) Việc phân định trách nhiệm của cơ quan quản lý khác nhau phải được quy định rõ ràng và đảm bảo phục vụ lợi ích của công chúng; (4) Các cơ quan giám sát, quản lý và cưỡng chế thực thi phải liên chính, có đủ thẩm quyền và nguồn lực để hoàn thành chức năng của mình một cách chuyên nghiệp, khách quan. Các quyết định của những cơ quan này phải kịp thời, minh bạch và được giải thích đầy đủ.

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, để cải thiện môi trường đầu tư, hướng tới một môi trường đầu tư minh bạch, Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, đầu tư, thị trường vốn. Quy định của pháp luật Việt Nam được đánh giá là tương đối hoàn thiện và cởi mở. Tuy nhiên, vấn đề thực thi pháp luật và giám sát việc tuân thủ pháp luật vẫn chưa đáp ứng được mong mỏi của các nhà đầu tư và xã hội mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ khả năng độc lập, khách quan, công minh của các cơ quan có thẩm quyền trong việc ra quyết định; sự chông chéo về thẩm quyền giữa các cơ quan Nhà nước và sự thiếu hụt nguồn lực có chất lượng.

Nguyên tắc thứ hai tập trung vào quyền của cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản. Theo đó, khuôn khổ quản trị Công ty phải bảo vệ và tạo điều kiện thực hiện các quyền cơ bản của cổ

đồng gồm: đảm bảo các phương thức đăng ký quyền sở hữu; Chuyển nhượng cổ phần; Tiếp cận các thông tin liên quan và quan trọng của Công ty một cách kịp thời, thường xuyên; Tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ); Bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT); Hương lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, cổ đông phải có quyền tham gia và được cung cấp đầy đủ thông tin về các quyết định liên quan tới những vấn đề quan trọng của Công ty (sửa đổi điều lệ Công ty, phát hành thêm cổ phiếu, các giao dịch bất thường); phải có cơ hội tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHCĐ. Nguyên tắc thứ hai cũng yêu cầu nếu cơ cấu vốn và các thoả ước cho phép một số cổ đông/thành viên nắm giữ quyền kiểm soát không tương ứng với tỉ lệ cổ phần mà họ sở hữu thì thoả thuận này phải được công bố công khai.

Đây là nguyên tắc được thể hiện khá rõ rệt tại Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp năm 2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2015). Hầu hết các quyền cơ bản của cổ đông được ghi nhận trong Luật một cách cụ thể. Cơ chế họp và biểu quyết tại ĐHCĐ tương đối rõ ràng với mục tiêu bảo vệ quyền của cổ đông thiểu số. Tuy nhiên, về nội dung nhấn mạnh vai trò của thoả ước/thoả thuận giữa các thành viên hoặc cổ đông của nguyên tắc thứ hai thì pháp luật Việt Nam chưa có quy định về vấn đề này. Trên thực tế, xuất phát từ thực tiễn hoạt động của Công ty, có nhiều trường hợp, mặc dù tỉ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông trong Công ty thấp nhưng do uy tín cổ đông trên thị trường hoặc những đóng góp về kinh nghiệm quản lý, khả năng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, cổ

đồng này được các cổ đông khác chấp thuận cho họ có một số quyền ưu đãi hơn như: quyền hưởng cổ tức cao hơn (nhưng không thuộc trường hợp cổ phần ưu đãi cổ tức vì họ vẫn được quyền biểu quyết), quyền biểu quyết cao hơn (nhưng không thuộc cổ phần ưu đãi biểu quyết theo Luật Việt Nam vì quyền này có thể giành cho cổ đông góp vốn, được duy trì trong suốt thời gian nắm giữ cổ phần của cổ đông mà không phải chỉ có hiệu lực trong thời hạn 3 năm), quyền có đại diện của mình trở thành thành viên của Hội đồng quản trị thông qua thoả thuận được kí kết giữa các cổ đông, quyền được bán cổ phần khi cổ đông khác bán cổ phần.... Trong những trường hợp này, nếu xảy ra tranh chấp thì việc thi hành pháp luật trên thực tế có nhiều quan điểm khác nhau. Có quan điểm công nhận hiệu lực của Thoả thuận cổ đông. Trong khi quan điểm khác không ủng hộ vì cho rằng nội dung của thoả thuận cổ đông không phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiện nay, chưa có một văn bản, tuyên bố chính thức nào từ phía cơ quan có thẩm quyền về việc công nhận hay không công nhận nội dung của Thoả thuận giữa các thành viên góp vốn hoặc cổ đông nhưng cũng không có quy định bác bỏ. Thực tiễn xét xử tại tòa án cũng chưa thống nhất các quan điểm về hiệu lực của loại thoả thuận này. Thiết nghĩ, pháp luật cũng cần có quy định về mặt nguyên tắc, điều kiện để thừa nhận tính hợp pháp của loại thoả thuận này mà không phá vỡ trật tự công cộng, không ảnh hưởng đến bên thứ ba ngay tình; được tất cả các cổ đông/thành viên chấp thuận; được công bố công khai... Nếu vấn đề này được ghi nhận thì sẽ tháo gỡ được khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình huy động vốn, kết nạp thêm thành viên góp vốn, cổ đông chiến lược nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời bảo đảm được quyền lợi của bên thứ ba ngay tình./.

(Kỳ sau, chúng tôi tiếp tục trao đổi thêm vấn đề này liên quan đến các nguyên tắc quản trị còn lại là: Đối xử bình đẳng đối với cổ đông; Vai trò của Bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty; Công bố thông tin và tính minh bạch; và Trách nhiệm của Hội đồng quản trị).

Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một các chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY
04/03/2015 ĐẾN NGÀY 10/03/2015**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Thông tư 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	27/02/2015
2.	Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	12/02/2015
3.	Quyết định 07/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia	02/03/2015
4.	Thông tư 01/2015/TT-BYT của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế	27/02/2015
5.	Quyết định 355/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán trong lĩnh vực chứng khoán thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính	26/02/2015
6.	Nghị định 24/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa	27/02/2015
7.	Quyết định 645/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo	04/03/2015
8.	Nghị quyết 05/NQ-CP của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02 năm 2015	04/03/2015
9.	Quyết định 265/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường năng lực đơn vị thực hiện trợ giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa	02/03/2015
10.	Chỉ thị 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công	14/02/2015
11.	Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	16/02/2015